GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHI MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 22 tháng 7 năm 2020

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Nguyễn Xuân Trường	Ngày đề nghị: Request Date: 22/07/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 22/07/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason: Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	0202.01.0125	Trục van cone (Lance tube)	Ø135x3150mm; material 1.4878; Ash cone valve dia.430/DN 1500 (chi tiết số 7,50, bản vẽ 541-DA-LAUN.001)	Cái	Vật tư dự phòng van cone lò 1, lò 2	2.00	0	2	0	2.00	Vật tư Ash cone valve dia.430/DN 1500 hãng Laun Germany
2	0202.01.0127	Ống bảo vệ trục van cone (Protecting tube)	Ø136x 150mm material 14835;Ash cone valve dia.430/DN 1500(chi tiết số 72 bản vẽ 541-DA-LAUN.001)	Cái	Vật tư dự phòng van cone lò 1, lò 2	4.00	0	4	0	4.00	NT
3	0202.01.0126	Đầu chặn van cone (Lance tip)	Ø497x383mm; material 1.4878; Ash cone valve dia.430/DN 1500(chi tiết số 8 bản vẽ 541-DA-LAUN.001)	Cái	Vật tư dự phòng van cone lò 1, lò 2	4.00	0	4	0	4.00	Nt
4	0202.02.0058	Tết chèn trục van cone (Packing cord)	Ø175x135x20; material K16, K83 (chi tiết số 36,37 bản vẽ 541-DA-LAUN.001)	Bộ	Vật tư dự phòng van cone lò 1, lò 2	4.00	0	4	0	4.00	Một bộ gồm 2 tết vật liệu K16, 1 tết vật liệu K83
5	0202.02.0059	Guzong liên kết van cone	M16x60 Material 2.4952(chi tiết số 76, 77 bản vẽ 541-DA-LAUN.001)	Bộ	Vật tư dự phòng van cone lò 1, lò 2	4.00	0	4	0	4.00	Bộ gồm 4 guzong mỗi guzong 2 ê cu và 2 long đen
6	0202.02.0060	Guzong liên kết van cone	M16x85 Material 2.4634(chi tiết số 47,48,49 bản vẽ 541-DA-LAUN.001)	Bộ	Vật tư dự phòng van cone lò 1, lò 2	4.00	0	4	0	4.00	Bộ gồm 4 guzong mỗi guzong 2 ê cu và 2 long đen

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
7	0202.02.0061	Hộp chèn kín liệu van cone (stuffing box unit)	Ash cone valve dia.430/DN 1500;material 1.0038/1.4828 (chi tiết số 6 bản vẽ 541-DA-LAUN.001)	Cái	Vật tư dự phòng van cone lò 1, lò 2	2.00	0	2	0	2.00	Nt
Cộng/ToTal						**24.00**	**0**	**24**		**24**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 30 tháng 7 năm 2020

Số: DN2000534

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department	Người đề nghị: Ngô Phúc Dương	Ngày đề nghị: 30/07/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 30/07/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Vật tư ☐ Products type : Equipments	Phụ tùng ☐ Accessories	Công cụ dụng cụ ☐ Tools	Dịch vụ ☐ Service
Lý do mua sắm: Sửa chữa sự cố : ☐ Order reason Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : ☐ Spare accessories :	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao ☐ Attrition :
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ ☐ Approved plan		Phát sinh ngoài kế hoạch / ☐ Accured out of plan

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1201.02.1383	Hạt hút ẩm máy sấy khí nén	Activated Alumina	Kg	Thay hạt hút ẩm cho máy sấy nén khí	1 650.00	1 650	0	0	1 650.00	Thành phần hóa học như bản đính kèm
2	1201.02.1384	Hạt hút ẩm máy sấy khí nén	Molecular Sieves	Kg	Thay hạt hút ẩm cho máy sấy nén khí	1 110.00	1 110	0	0	1 110.00	Thành phần hóa học như bản đính kèm
Cộng/ToTal						**2 760.00**	**2 760**	**0**		**2 760**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHI MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 1 tháng 8 năm 2020

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Mai Quý Ngữ	Ngày đề nghị: Request Date: 01/08/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 15/09/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	0801.02.0011	Đầu nối 1 đầu hàn - 1 đầu ren trong	SS304 DN15 (0.8-10 bar)	Cái	Cải tiến ứng dụng 1 bộ trộn ẩm thải tro bay bộ trộn 2 trục hệ thống thải xỉ - tro bay.	30.00	30	0	0	30.00	Cải tiến kỹ thuật.
2	0801.02.0006	Bép phun nước hình nón	SS304 DN15 (0.8-10 bar, lỗ bép 2.0mm)	Cái	Cải tiến ứng dụng 1 bộ trộn ẩm thải tro bay bộ trộn 2 trục hệ thống thải xỉ - tro bay.	10.00	10	0	0	10.00	Cải tiến kỹ thuật
3	0801.02.0010	Bép phun nước hình nón	SS304 DN15 (0.8-10 bar, lỗ bép 4mm)	Cái	Cải tiến ứng dụng 1 bộ trộn ẩm thải tro bay bộ trộn 2 trục hệ thống thải xỉ - tro bay.	20.00	20	0	0	20.00	Cải tiến kỹ thuật
4	0602.02.0047	Mối nối nhanh (Super Screw)	SS80 - (B1200 EP200 4(4,5+1,5))	M	Xử lý nhanh phục hồi các sự cố băng cần máy đánh đống phá đống, và các băng tải có cùng quy cách.	4.00	1	3	0	4.00	
5	1101.02.0827	Tăng đơ	M20	Cái	Phục vụ tăng chỉnh các kích thước	20.00	0	20	4	20.00	
6	1101.02.0429	Khóa cáp	22mm	Cái	Phục vụ kháo cáp sửa chữa hoặc gia công néo cáp an toàn.	40.00	0	40	0	40.00	

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
7	1101.01.0669	Tay cắt gió đá	HC-391	Cái	Thay thế công cụ tay cắt gió đá hỏng, mất an toàn.	6.00	2	4	4	6.00	Công cụ dụng cụ dung thường xuyên liên quan đến an toàn, đề nghị mua loại đã được kiểm định tốt nhất.
8	1101.01.0814	Bơm mỡ bằng tay	GZ-6S	Cái	Bơm mỡ hệ thống nhiên liệu	3.00	1	2	0	3.00	Mua loại có bánh xe lôi kéo di động nhẹ nhàng, kèm theo cả vòi mềm 3m bơm mỡ theo tiêu chuẩn đầu ra của bơm mỡ.
9	1101.01.0942	Máy mài cầm tay	9553 NB	Cái	bổ xung công cụ dụng cụ và dự phòng cho các chuyên nghành khác.	6.00	1	5	0	6.00	
10	1101.01.0046	Máy mài cầm tay	Ø180mm, Điện áp 220V	Bộ	Dự phòng công cụ dụng cụ cho các nhóm sửa chữa.	3.00	0	3	0	3.00	
11	1101.01.1230	Cân tiểu ly điện tử	Mức cân lớn nhất: 40kg, sai số 1-5g	Cái	Phục vụ cân búa nghiền than, búa đá vôi, tấm ốp cánh roto và các khối lượng lắp cân bằng.	1.00	1	0	0	1.00	Cần mua gấp để phục vụ sản xuất
12	1401.02.0566	Cút T	T hàn - DN80, Sus304, SCH20S	Cái	Cải tiến ứng dụng 1 bộ trộn ẩm thải tro bay bộ trộn 2 trục hệ thống thải xỉ - tro bay.	10.00	10	0	0	10.00	
13	0603.01.0005	Bơm dầu thủy lực	A. A10VSO 28 DFR1/31R-PPA1200	Cái	Phục vụ dự phòng bơm dầu nâng cần thủy lực hỏng hoặc sự cố.	1.00	0	1	0	1.00	Vật tư dự phòng
14	0602.02.0040	Dây đai máy nén khí	M5 XPZ 925	Cái	Thay dây đai máy nén khi tháp chuyển tiếp than	20.00	3	17	0	20.00	
15	0602.02.0019	Dây đai máy nén khí tháp vận chuyển	V-Belt XPZ 1287	cái	thay dây đai máy nén khí tháp chuyển tiếp than.	30.00	3	27	5	30.00	
Cộng/ToTal						**204.00**	**82**	**122**		**204**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHI MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 3 tháng 8 năm 2020

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Ngô Phúc Dương	Ngày đề nghị: Request Date: 03/08/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 03/08/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	0402.01.0248	Ổn áp 3 pha	3kva- SH3-3K	Cái	ổn áp cho bộ nạp xe nâng điện	1.00	1	0	0	1.00	
Cộng/ToTal						**1.00**	**1**	**0**		**1**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 3 tháng 8 năm 2020

Số: DN2000548

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị:	Ngày đề nghị: 03/08/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 03/08/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	0204.02.0018	Tết chì	Graphite ring gasket Ø30xØ20x5, Tmax:550 C, Pmax: 20Mpa.	cái	Dự phòng van giảm ổn, van thổi bụi	50.00	0	50	4	50.00	
2	0204.02.0046	Tết chì	Graphite ring gasket Ø60xØ40x8 mm Tmax=550C, Pmax=20MPa	cái	Van gió nóng thứ cấp	50.00	0	50	0	50.00	
3	1201.02.1088	Dây tết ceramic chịu nhiệt (Fiber Rope and Braid)	Ø80mm , T: 892-1260C	Kg	Khớp giãn nở EHE về buồng đốt lò hơi	300.00	0	300	0	300.00	Kích thước đóng gói 20m/ cuộn
4	1201.02.1118	Bông bảo ôn (Bio-degradable Ceramic Fiber blanket)	7200x610x25	Cuộn	Đóng cửa lò, Bọc đường ống hơi, chèn khớp giãn nỡ..	300.00	0	300	54	300.00	
5	1401.01.0302	Giắc nối nhanh máy hàn	DKJ35-50	Cái	Vật tư thay thế máy hàn	30.00	0	30	0	30.00	
6	1201.02.0018	Bu lông, đai ốc, vòng đệm	M12x30	Bộ	Dùng chung các vị trí	200.00	0	200	240	200.00	
7	1201.02.0567	Bu lông, đai ốc, vòng đệm	Screw M16x50 DIN 7991; Nut M16 DIN 934; Washer A17 DIN 125; Grade 8.8	bộ	Thay lưỡi gạt máy cấp than	3 000.00	3 000	0	498	3 000.00	
8	1201.02.0568	Bu lông, đai ốc, vòng đệm	Bolt M16x50 DIN 933; Nut M16 DIN 934; Washer A17 DIN 125; Grade 8.8	bộ	Thay xích máy cấp than	5 000.00	4 000	1 000	0	5 000.00	
9	1401.02.0233	Bu lông	8.8 M12x50	bộ	Dùng chung các vị trí	300.00	0	300	0	300.00	
10	0206.01.0279	Vành chèn cơ khí	Mechanical seal BGMH2875	Bộ	Bơm cấp dầu	2.00	0	2	0	2.00	Sử dụng cho bơm model 65AYN50 x6

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
11	1401.01.0824	Mặt chà vành chèn cơ khí	BGMH2875	Cái	Bơm cấp dầu	4.00	0	4	0	4.00	Sử dụng cho bơm model 65AYN50 x6
12	1201.02.1414	Bông bảo ôn chịu nhiệt (Degradable ceramic fiber module)	300x300x325	Cái	Bảo ôn hộp gió sơ cấp	100.00	0	100	0	100.00	Gồm nhiều lớp bông bảo ôn liên kết với nhau bằng thép inox 310S.
13	1201.02.1413	Gioăng thép xoắn	144x130x5mm	Cái	Gioăng đường ống trạm dầu	10.00	0	10	0	10.00	
14	1201.02.1415	Gioăng cao su chịu dầu	56x3.5mm	Cái	Bơm cấp dầu	20.00	4	16	0	20.00	
15	1201.02.1416	Gioăng cao su chịu dầu	102x5mm	Cái	Bơm cấp dầu	20.00	4	16	0	20.00	
Cộng/ToTal						**9 386.00**	**7 008**	**2 378**		**9 386**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 3 tháng 8 năm 2020

Số: DN2000549

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Phạm Thị Tuyết Mai	Ngày đề nghị: Request Date: 03/08/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 03/08/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1201.02.0346	Khí Ôxy		Chai	Tiêu hao dùng chung	60.00	0	60	24	60.00	Dùng chung cho PXSC
2	1201.02.0045	Gas	12kg	Bình	nt	12.00	0	12	7	12.00	Dùng chung cho PXSC
3	1201.02.0871	Khí Argon	40L-150Bar	Chai	nt	3.00	0	3	4	3.00	Dùng chung cho PXSC
Cộng/ToTal						**75.00**	**0**	**75**		**75**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 3 tháng 8 năm 2020

Số: DN2000550

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department	Người đề nghị: Phạm Đức Anh	Ngày đề nghị: 03/08/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 03/09/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Vật tư ☐ Products type : Equipments	Phụ tùng ☐ Accessories	Công cụ dụng cụ ☐ Tools	Dịch vụ ☐ Service
Lý do mua sắm: Sửa chữa sự cố : ☐ Order reason Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : ☐ Spare accessories :	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao ☐ Attrition :
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ ☐ Approved plan		Phát sinh ngoài kế hoạch / ☐ Accured out of plan

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	0905.01.0002	Van điều chỉnh hơi hóa mù dầu	Logix 3200 Series 3200MD-28-D6-E-03-40-0G-0F	Cái	Thay thế các bộ điều khiển van khí nén dầu và hơi hóa mù dầu	5.00	4	1	0	5.00	Cần gấp
2	0905.01.0005	Valve Positioner (van điều khiển)	TZIDC Type:V18345-1010521001	Bộ	Thay thế các bộ điều khiển van khí nén lò hơi, turbine	5.00	3	2	0	5.00	Cần gấp
3	0905.01.0009	Valve Positioner (van điều khiển)	TZIDC Type:V18345-1010121001	Bộ	Thay thế các bộ điều khiển van khí nén lò hơi, turbine	5.00	3	2	0	5.00	Cần gấp
4	0206.01.0248	Cần đánh lửa	1.2A1-00 XDZ-1-2900/18	Cái	Thay thế cần đánh lửa vòi dầu trên đường gió	5.00	3	2	0	5.00	Cần gấp
5	0206.01.0249	Cần đánh lửa	1.2A1-00 XDZ-1-3000/18	Cái	Thay thế cần đánh lửa vòi dầu trên sàn liệu	5.00	3	2	1	5.00	Cần gấp
6	0904.02.0002	Dây cáp đánh lửa vòi dầu	1.3A1-00 XDL-6000	Sợi	Thay dây cáp đánh lửa các vòi dầu	6.00	3	3	1	6.00	Cần gấp
Cộng/ToTal						**31.00**	**19**	**12**		**31**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHI MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 3 tháng 8 năm 2020

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Phạm Thị Tuyết Mai	Ngày đề nghị: Request Date: 03/08/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 03/08/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1201.02.0015	Giẻ lau		Kg		500.00	0	500	0	500.00	Dùng chung cho PXSC
2	1201.02.0012	Dầu chống rỉ RP7	Selleys RP7, 150g	Chai		100.00	0	100	0	100.00	Dùng chung cho PXSC
3	1201.02.0926	Dầu chống rỉ RP7	Selleys RP7, 300g	Chai		200.00	0	200	13	200.00	Dùng chung cho PXSC
4	1201.02.0542	Chổi đánh rỉ	Phi 100	Cái		100.00	0	100	0	100.00	Dùng chung cho PXSC
5	1201.02.0341	Đá mài	100x16x6(mm)	Viên	Tiêu hao dùng chung	500.00	0	500	50	500.00	Dùng chung cho PXSC
6	1201.02.0342	Đá cắt	100x16x1.5(mm)	Viên	nt	500.00	0	500	0	500.00	Dùng chung cho PXSC
7	1201.02.0428	Chổi quét sơn	4inch	Cái	nt	20.00	0	20	0	20.00	Dùng chung cho PXSC
8	1201.02.1120	Chổi quét sơn	2"	Cái	nt	50.00	0	50	0	50.00	Dùng chung cho PXSC
9	1201.02.1119	Chổi quét sơn	1"	Cái	nt	20.00	0	20	0	20.00	Dùng chung cho PXSC
10	1201.02.0734	giấy ráp	p 180 (100mm x45m)	M	nt	30.00	0	30	0	30.00	Dùng chung cho PXSC
11	1201.01.0016	Bột rà thô		Lọ	nt	100.00	0	100	0	100.00	Dùng chung cho PXSC
12	1201.01.0017	Bột rà tinh		Lọ	nt	100.00	0	100	0	100.00	Dùng chung cho PXSC

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
13	1201.02.0421	Keo con voi	502	Tuýp	nt	100.00	0	100	0	100.00	Dùng chung cho PXSC
14	1201.02.0524	Dây thép buộc	CT3 phi 2	kg	nt	50.00	0	50	0	50.00	Dùng chung cho PXSC
15	1201.02.0763	Dây thép buộc	CT3 phi 1.5	Kg	nt	30.00	0	30	0	30.00	Dùng chung cho PXSC
16	1201.02.0027	Keo dán tạo gioăng	650F Red RTV 85gr	Tuýp	nt	30.00	0	30	8	30.00	Dùng chung cho PXSC
17	1201.02.1237	Keo dán ống	Tuýp 50g, PVC	Tuýp	nt	10.00	0	10	0	10.00	Dùng chung cho PXSC
18	1201.02.0424	Băng dính 2 mặt	Độ rộng 4,5cm	cuộn	nt	20.00	0	20	0	20.00	Dùng chung cho PXSC
Cộng/ToTal						**2 460.00**	**0**	**2 460**		**2 460**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 4 tháng 8 năm 2020

Số: DN2000555

Tên phòng ban: Department	Phân xưởng sản xuất (vận hành)	Người đề nghị: Trần Văn Tám	Ngày đề nghị: 04/08/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 04/08/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Products type :	Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason	Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form		Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1201.02.0023	Axit Clohydric	HCL ≥31%, màu vàng trong, không lẫn tạp chất	kg	Xử lý nước cấp, nước thải	10 000.00	0	10 000	18 460	10 000.00	
2	1201.02.0208	Kiềm NaOH	Nồng độ ≥ 31%, không lẫn tạp chất	kg	Xử lý nước cấp, nước thải	10 000.00	0	10 000	18 551	10 000.00	
3	1201.02.0181	kali Hydroxit	(KOH) 90%	kg	Điều chế Hydro	200.00	0	200	25	200.00	
4	1201.02.0200	natri photphat	Na3PO4.12H2O>=98%	kg	xử lý nước lò	300.00	0	300	13	300.00	
5	1201.02.0221	Ammonium hydroxide	NH4OH 20-25% (HC Công nghiệp)	KG	xử lý nước lò	4 000.00	0	4 000	3 057	4 000.00	
6	1201.02.0118	Axit Sunfuric	H2SO4 98%, AR, 500ml/chai	lít	Hóa chất phân tích	5.00	0	5	0	5.00	
7	1201.02.0205	Cồn (ETHANOL)	C2H5OH 99,5%, AR, 500ml/chai	lít	Hóa chất phân tích	5.00	0	5	1	5.00	
8	1201.02.0192	Dung dịch Amoniac	(NH4OH 25- 27%) , 500 ml / chai	lít	Hóa chất phân tích	5.00	0	5	2	5.00	

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
9	1201.02.1412	Para-Dimethyl Amino Benzaldehyed	C9H11NO, AR	Kg	Hóa chất phân tích	5.00	0	5	0	5.00	
Cộng/ToTal						**24 520.00**	**0**	**24 520**		**24 520**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHI MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 5 tháng 8 năm 2020

Tên phòng ban: Department: Phòng an toàn	Người đề nghị: Phạm Minh Hùng	Ngày đề nghị: Request Date: 05/08/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 05/08/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1201.02.0500	Bộ quần, áo bảo hộ lao động		Bộ	Trang cấp cho người lao động	30.00	12	18	114	30.00	Theo mẫu đang dùng: màu trắng-đỏ 8 bộ (size M=6;size L=2); màu ghi-đỏ 10 bộ (size M=10); màu xanh than-đỏ vải cotton 100% 12 bộ (size M=8; size S=4)
Cộng/ToTal						**30.00**	**12**	**18**		**30**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 5 tháng 8 năm 2020

Số: DN2000559

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Phạm Thị Tuyết Mai	Ngày đề nghị: Request Date: 05/08/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 12/08/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1201.02.0293	đinh vít	GB825-88	Cái		400.00	0	400	0	400.00	Dùng chung cho PXSC
2	1201.02.1404	Đinh vít	Ø4 L=70mm	Kg		6.00	0	6	0	6.00	nt
3	1201.02.1090	Đinh rút nhôm	M3,2x6	Cái		500.00	0	500	0	500.00	nt
4	1201.02.1091	Đinh rút nhôm	M3,2x8	Cái		500.00	0	500	0	500.00	nt
5	1201.02.1092	Đinh rút nhôm	M3,2x10	Cái		500.00	0	500	0	500.00	nt
6	1201.02.1093	Đinh rút nhôm	M4,2x8	Cái		500.00	0	500	0	500.00	nt
7	1201.02.1094	Đinh rút nhôm	M4,2x10	Cái		500.00	0	500	0	500.00	nt
8	1201.02.1095	Đinh rút nhôm	M4,2x12	Cái		500.00	0	500	0	500.00	nt
9	1201.02.1096	Đinh rút nhôm	M5x8	Cái		500.00	0	500	0	500.00	nt
10	1201.02.1097	Đinh rút nhôm	M5x10	Cái		500.00	0	500	0	500.00	nt
11	1201.02.1098	Đinh rút nhôm	M5x12	Cái		500.00	0	500	0	500.00	nt
12	1101.02.0785	Đá cắt	D400x16x1,5	Viên		20.00	0	20	0	20.00	nt

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
13	1201.02.1373	Đá cắt	Ø355x3x25.4	Cái		10.00	0	10	0	10.00	nt
14	1201.02.1388	Đá cắt	Ø180x2x22mm	Cái		50.00	0	50	0	50.00	nt
15	1201.02.1131	Đá cắt thép không gỉ (Cut stone)	100x16x1,5	Cái		300.00	0	300	0	300.00	nt
16	1201.02.1132	Đá cắt thép không gỉ (Cut stone)	150x22x2	Cái		200.00	0	200	50	200.00	nt
17	1201.02.0056	Giấy giáp thô	P400, khổ 230x280mm	Tờ		40.00	0	40	0	40.00	nt
18	1201.02.0859	Giấy giáp mịn	P600, khổ 230x280mm	Tờ		30.00	0	30	5	30.00	nt
19	1201.02.0860	Giấy giáp mịn	P800, khổ 230x280mm	Tờ		30.00	0	30	5	30.00	nt
20	1201.02.0861	Giấy giáp mịn	P1200, khổ 230x280mm	Tờ		30.00	0	30	5	30.00	nt
21	1201.02.0865	Giấy giáp mịn	P1000, khổ 230x280mm	Tờ		30.00	0	30	5	30.00	nt
22	1201.02.0426	Bàn chải sắt		Cái		20.00	0	20	0	20.00	nt
Cộng/ToTal						**5 666.00**	**0**	**5 666**		**5 666**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent